

Bản án số: 133/2020/HS-ST
Ngày 24-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Huy Hoàng;
- Ông Đỗ Xuân Quyết;
- Ông Nguyễn Kim San.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 148/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

- Vũ H, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1981 tại Hải Phòng; ĐKKHKT: Số 8 Đ30 Đồng Quốc Bình, phường DB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3B/60/132 An Đà, phường DG, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Hoàng Thị H; có chồng Nguyễn Ngọc Linh (Đã ly hôn) có 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam bắt tạm giam từ ngày 13/01/2020. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ H: Ông Lê Bá Châu - Luật sư Văn phòng CMA thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt

- Bị hại:

1. Hà K, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 257 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

2. Nguyễn Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 2, phố Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

3. Nguyễn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 134 Phương Lưu, phường Đông Hải 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
4. Mai T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 3C tập thể Cảng, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
5. Trần C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 1, xã Cỏ Am, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt
6. Nguyễn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ Trường Chinh 3, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
7. Lê H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 2/3/127 đường vòng Vạn Mỹ, phường Máy Chai, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt
8. Lương P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
09. Trần L, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 1 Nam Hải, phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
10. Vũ H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 7B/20/46 Nam Pháp 1, phường Đằng Giang, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
11. Dương H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 30 lô 17 tổ dân phố Trung Hành 5, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt
12. Nguyễn T; sinh năm 1976; địa chỉ: Số 29 tổ 14 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt
13. Đỗ T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 668 lô 22, phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt
14. Lê H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 5/21/28 phố An Đà, phường Lạch Tray, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
15. Nguyễn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 18/317A phố Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
16. Nguyễn B, sinh năm 1983; địa chỉ: số 110 phố An Khê, phường Cát Bi, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
17. Hoàng Y, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Linh Đông 2, xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
18. Phạm H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 46/591 Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.
19. Nguyễn T, sinh năm 1976; địa chỉ: xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
20. Đỗ H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 33 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt
21. Vũ D, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 11BC15 tập thể Thủy Tinh, phường Cầu Tre, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt
22. Nguyễn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 12/44 đường Bùi Thị Tụy, phường Đông Hải 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

23. Trần T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt

24. Lê L, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 17 Cụm 3 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

25. Trần M, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 2C/54 đường Nam Trung Hành, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt

26. Tô D; sinh năm 1966; địa chỉ: Số 85 lô 9 mở rộng phường Đằng Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có vợ Nguyễn Thị Mão, sinh năm 1975; trú cùng địa chỉ đến tham dự phiên tòa)

27. Bùi M, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 55 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

28. Phạm H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 492 lô 22 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

29. Bùi N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1/2/111 phố An Đà, phường Đằng Giang, quận NQ, Hải Phòng; vắng mặt

30. Vũ T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu 5 phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

31. Lưu K, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 12, khu IV, phường Đồng Hòa, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn PV, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 2/4/69 phố Chợ Con, phường TC, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2019, Vũ H thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Tùng Anh tại địa chỉ số 275 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận NQ, thành phố Hải Phòng do Hà làm Giám đốc, ngành nghề kinh doanh là Buôn bán bất động sản. Do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ nên Vũ H đã nảy sinh ý đồ lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc của những người có nhu cầu mua bất động sản. Để thực hiện ý đồ đó, Hà đã lên mạng internet vào trang web muaban.net và batdongsan.com.vn đăng tin chào bán các lô đất tại khu tái định cư Đồng Giáp, quận HA, thành phố Hải Phòng kèm theo tên người bán đất và số điện thoại 0904009469 của Hà để thực hiện giao dịch. Khi khách hàng có nhu cầu mua đất liên lạc, Hà trực tiếp hoặc thông qua người môi giới đưa ra các thông tin giả về nguồn gốc đất, số lô đất, giá chuyển nhượng, Hà đưa ra thông tin các lô đất tại khu tái định cư Đồng Giáp đã được Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh mua lại hoặc các chủ đất có nhu cầu bán đã thông qua Công ty của Hà để thực hiện giao dịch, đưa ra bản photo bản đồ dự án trong đó có sơ đồ vị trí các lô đất.... Đồng thời

Hà đã tự tìm hiểu giá đất thực tế của từng lô, sau đó Hà tự đưa ra giá bán đất thấp hơn giá thực tế tại thị trường từ 2-4 triệu/m². Thông qua các môi giới đất đề nghị họ dẫn khách đến đặt cọc mua đất và hứa thưởng “hoa hồng” cho người môi giới là 500 nghìn đồng/m². Để tạo lòng tin đối với người mua đất cũng như người môi giới đất, Hà tự quy định trong trường hợp Hà không có đất để giao cho khách, Hà phải trả lại cho khách mua gấp đôi số tiền mà họ đã đặt cọc và môi giới sẽ được hưởng 10% trong số tiền Hà phải trả lại cho khách hàng. Mặt khác để tạo lòng tin cho người mua Hà còn thông tin cho các khách hàng là Hà có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận HA nên việc hoàn thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ trong thời hạn từ 20-50 ngày để cho các cá nhân có nhu cầu mua đất tin tưởng đặt cọc tiền mua đất. Ngoài ra, khi khách đồng ý đặt cọc mua đất, Hà còn đề nghị các cá nhân mua đất cùng Hà ký Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc tại Văn phòng công chứng Bảo Toàn, tại địa chỉ số 340 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng, do Công chứng viên Nguyễn PV, sinh năm 1970, nơi cư trú tại số 2/4/69 phố Chợ Con, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng làm Trưởng Văn phòng công chứng. Trong trường hợp hết thời hạn quy định trong Văn bản thỏa thuận thì Hà đã tìm cách kéo dài thời gian hoặc trả số tiền gấp 2 lần tiền cọc (đền cọc) cho một số trường hợp để các cá nhân tin tưởng, tiếp tục đặt cọc tiền mua nhiều lô đất khác.

Bảng thủ đoạn như đã nêu trên từ tháng 02/2019 đến tháng 6/2019, Vũ H đã ký Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với 30 khách hàng, cho 51 vị trí lô đất, chiếm đoạt 6.783.000.000 đồng (*Sáu tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu đồng*), cụ thể như sau:

1. Ngày 27/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Hà K, sinh năm 1966, trú tại số 257 phố Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) (Hà đã trả cho ông Hà K được 10.000.000 đồng).

2. Ngày 24/5/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Nguyễn Q, sinh năm 1993, trú tại số 2 phố Lê Đại Hành, phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

3. Ngày 23/5/2019 ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với chị Nguyễn H, sinh năm 1982, trú tại số 134 Phương Lưu, phường Đông Hải 1, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 50.000.000 đ (*Năm mươi triệu đồng*).

4. Ngày 16/4 và 26/4/2019, ký kết 02 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 02 lô đất với anh Nguyễn T, sinh năm 1985, trú tại số 3C Tập thể Cảng, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 223.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu đồng*).

5. Ngày 08/4; 12/4 và 24/4/2019, ký kết 03 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 04 lô đất với anh Trần C, sinh năm 1975, trú tại thôn 1, xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Ngoài ra ngày 17/4/2019 anh Trần C nhờ chị Nguyễn Huyền Trang, sinh năm 1985, trú tại tổ Trường Chinh 3, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đứng tên ký kết 01 văn bản thỏa thuận với Vũ H, về việc đặt cọc mua 03 lô đất, Hà chiếm đoạt số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

6. Ngày 03/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 01 lô đất với anh Lê Xuân Hùng, sinh năm 1976, trú tại số 2/3/127 đường vòng Vạn Mỹ, phường Máy Chai, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

7. Ngày 05/3; 11/3 và 20/3/2019 ký kết 03 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 04 lô đất với anh Lương P, sinh năm 1993, trú tại thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

8. Ngày 03/5/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Trần L, sinh năm 1981, trú tại tổ 1 Nam Hải, phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

9. Ngày 20/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với chị Vũ H, sinh năm 1978, trú tại số 7B/20/46 Nam Pháp 1, phường Đằng Giang, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

10. Ngày 03/4/2019 ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Dương H, sinh năm 1984, trú tại số 30 lô 17 Tổ dân phố Trung Hành 5, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

11. Ngày 21/5/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Nguyễn T, sinh năm 1976, trú tại số 29 tổ 14 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

12. Ngày 04/6 và 06/6/2019, ký kết 03 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 03 lô đất với anh Đỗ T, sinh năm 1962, trú tại số 668 lô 2, phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*).

13. Ngày 24/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Lê Hồng Hải, sinh năm 1992, trú tại Số 5/21/28 phố An Đà, phường Lạch Tray, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

14. Ngày 24/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với chị Nguyễn T, sinh năm 1984, trú tại số 18/317A phố Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

15. Ngày 16/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Nguyễn B, sinh năm 1983, trú tại số 110 phố An Khê, phường Cát Bi, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

16. Ngày 19/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với chị Hoàng Hải Yến, sinh năm 1992, trú tại thôn Linh Đông 2, xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

17. Ngày 04/6/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 03 lô đất với anh Phạm H, sinh năm 1969, trú tại xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*).

18. Ngày 07/6/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Nguyễn Văn Tứ, sinh năm 1976, trú tại xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

19. Ngày 31/3/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 01 lô đất, với chị Đỗ H, sinh năm 1976, trú tại số 33 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

20. Ngày 31/5/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với chị Vũ D, sinh năm 1974, trú tại 11BC15 tập thể Thủy Tinh, phường Cầu Tre, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

21. Ngày 19/4/2019 ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Nguyễn T, sinh năm 1977, trú tại số 12/44 đường Bùi Thị Tụ Nhiên, phường Đông Hải 1, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

22. Ngày 31/5/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Trần T, sinh năm 1987, trú tại xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

23. Ngày 16/4/2019 ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Lê L, sinh năm 1988, trú tại tổ 17 Cụm 3 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

24. Ngày 29/5/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Trần M, sinh năm 1978, trú tại số 2C/54 đường Nam Trung Hành, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

25. Ngày 23/4/2019, ký kết 01 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Tô D, sinh năm 1966, trú tại số 85 lô 9 mở rộng phường Đằng Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

26. Ngày 01/6/2019, ký kết văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với anh Bùi M, sinh năm 1961, trú tại số 55 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

27. Ngày 02/5/2019 ký kết 02 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 02 lô đất với anh Phạm H, sinh năm 1988, trú tại số 492 lô 22 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

28. Ngày 03/4/2019 ký kết 01 văn bản thỏa thuận đặt cọc 02 lô đất với anh Bùi N, sinh năm 1983, trú tại số 1/2/111 phố An Đà, phường Đằng Giang, NQ, Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

29. Ngày 22/5/2019, ký kết 02 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 02 lô đất với chị Vũ T, sinh năm 1976, trú tại Khu 5 phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*).

30. Ngày 11/3 và 22/4/2019, ký kết 02 văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc 02 lô đất với chị Lưu K, sinh năm 1982, trú tại tổ 12, khu IV, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngày 13/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng bắt giữ Vũ H theo Lệnh bắt bị can để tạm giam. Thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, bên trong có 01 sim điện thoại số 0904009469. Vũ H tự nguyện giao nộp 02 con dấu (01 con dấu tròn của Công ty TNHH BĐS Tùng Anh và 01 dấu chức danh Giám đốc Vũ H)

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng tiến hành khám xét khẩn cấp trụ sở Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh, thu giữ 04 Văn bản thỏa thuận về việc nhận tiền cọc giữa Vũ H với bị hại, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 1440, kèm sạc và chuột máy tính; 01 máy in nhãn hiệu HP; 01 bộ máy vi tính để bàn (gồm 01 màn hình LG FLATRON L17428SE, 01 CPU máy tính nhãn hiệu Made in China, 01 chuột không dây nhãn hiệu Logitech, 01 bàn phím nhãn hiệu Genius).

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã trưng cầu giám định con dấu, chữ ký, chữ viết trên các Văn bản thỏa thuận đã thu giữ được. Tại Bản kết luận giám định số 96/KLGD ngày 16/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

“- Chữ ký mang tên Giám đốc Vũ H tại mục “*Bên B*” trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A104) so với chữ ký của Vũ H, sinh năm 1981, Hộ khẩu thường trú 8Đ30 Đồng Quốc Bình, NQ, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay số 3B/60/132 An Đà, Đằng Giang, NQ, Hải Phòng trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M01 đến M05) là **chữ ký của cùng một người**.

- Chữ viết có nội dung “*Vũ H*” tại mục “*Bên B*” trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A61, A62, A89, A90-A92, A103 và A104) so với chữ viết của Vũ H, sinh năm 1981, Hộ khẩu thường trú 8Đ30 Đồng Quốc Bình, NQ, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay số 3B/60/132 An Đà, Đằng Giang, NQ, Hải Phòng trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M01 đến M05) là **chữ viết của cùng một người**.

- Hình dấu tròn có nội dung “ CÔNG TY TNHH BĐS TÙNG ANH” trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A104 trừ A61, A62, A89, A90, A91, A92, A103, A104) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M05) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu chức danh có nội dung “Giám đốc Vũ H” trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A104 trừ A61, A62, A89, A90, A91, A92, A103, A104) so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M05) là do cùng một con dấu đóng ra.” (B1 61-69)

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã trưng cầu giám định dữ liệu điện tử, phục hồi, trích xuất CPU, điện thoại, máy tính xách tay thu giữ của Vũ H. Tại Bản kết luận giám định số 77/KLGD ngày 05/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng đã khôi phục được các tập tin nhắn (178 tin nhắn nghi có liên quan đến vụ án), không tìm thấy các hợp đồng, hình dấu, chữ ký nghi có liên quan đến vụ án “Có bản kê chi tiết kèm theo” (BL 49-60).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, bị can Vũ H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị can như nội dung nêu trên, lời khai nhận tội của bị can Hà phù hợp với lời khai của các người bị hại (BL: 1131-1446), phù hợp với lời khai của các nhân chứng (BL: 670-766), lời khai của những người có liên quan (BL: 558-586, 607-648), Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra. Vũ H khai số tiền chiếm đoạt của các người bị hại như đã nêu trên Hà sử dụng trả nợ và sử dụng cá nhân hết (BL: 1447-1572).

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành làm việc với Ủy ban nhân dân quận HA, Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, Nam Hải, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng quận HA, Phòng Tài nguyên - Môi trường quận HA, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận HA, xác định các cơ quan, đơn vị nêu trên không giao đất, không quảng cáo, không chào bán đất, không liên quan đến Công ty TNHH bất động sản Tùng Anh và Vũ H. Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh và cá nhân Vũ H không nằm trong danh sách các hộ dân được bố trí giao đất ở tái định cư vào mặt bằng Khu tái định cư Đồng Giáp, phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng. Năm 2019, Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh quận HA không nhận hồ sơ, làm thủ tục chuyển nhượng các lô đất thuộc Khu tái định cư Đồng Giáp, quận HA, thành phố Hải Phòng cho Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh và cá nhân Vũ H.

Xác minh tại Công ty cổ phần đầu tư Minh Hưng cung cấp tháng 11/2018, Vũ H có đến đặt cọc số tiền là 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) cho Công ty Minh Hưng để đặt mua căn hộ có mã là SH.16 dự án Vinhomes Cầu Rào 2. Công ty Minh Hưng đã chuyển toàn bộ số tiền mà Hà đặt cọc cho phía chủ đầu tư dự án Vinhomes. Giữa Công ty Minh Hưng và bị can Hà không ký kết bất cứ hợp đồng nào về việc mua bán trên.

Xác minh tại Công ty cổ phần Bất động sản Đô thị Hải Phòng xác định: Khoảng tháng 02 đến tháng 11/2019, Công ty cổ phần Đô thị Hải Phòng và Vũ H có đặt quyền mua nhà ở tại khu vực Vincom Cầu Rào 2, nhưng sau đó Hà chuyển tiền mua nhà cho người khác (cụ thể là ai không rõ). Quá trình Hà đặt cọc tiền lấy quyền mua, Công ty có lập chứng từ nhưng khi Hà nhượng chuyển lại quyền mua cho người khác thì Công ty đã thu và hủy chứng từ của Hà và tiến hành lập chứng từ thu tiền của khách hàng mới nên không còn lưu trữ.

Xác minh các chủ của lô đất Khu tái định cư Đồng Giáp, quận HA, thành phố Hải Phòng mà Hà đã ký Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc với các bị hại, các chủ lô đất khẳng định không có ý định bán và không nhờ Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh cũng như Vũ H môi giới bán đất, không quen biết và không làm việc với Vũ H.

Xác minh tại Công ty cổ phần Vinhomes cung cấp Công ty cổ phần Vinhomes không ký hợp đồng mua bán với Vũ H.

Xác minh tại Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng xác định ngày 18/3/2018 Vũ H đến ngân hàng làm hợp đồng thế chấp xe ô tô BKS 15A-473.85, sau khi hết hạn hợp đồng thế chấp Hà đã bán chiếc xe trên cho người khác.

Xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hải Phòng xác định xe ô tô mang BKS 15A-473.85 hiện mang tên Trần Văn Páo, địa chỉ: Đồng Vải, Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.

Xác minh tại Công an phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tại số nhà 16 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, không có Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh đặt trụ sở hay hoạt động tại đây. Từ tháng 02/2019 đến nay địa chỉ trên là trụ sở của Văn phòng giao dịch Ngân hàng ACB.

Xác minh tại dự án nhà ở Kiến Á, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh đến nay chưa có kết quả.

Vật chứng: Thu giữ giữ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, bên trong có 01 sim điện thoại số 0904009469; 01 con dấu tròn Công ty TNHH BĐS Tùng Anh và 01 con dấu chức danh Giám đốc Vũ H; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 1440, kèm sạc và chuột máy tính, 01 máy in nhãn hiệu HP, 01 bộ máy vi tính để bàn (gồm 01 màn hình LG FLATRON L17428SE, 01 CPU máy tính Made in China, 01 chuột không dây nhãn hiệu Logitech, 01 bàn phím nhãn hiệu Genius).

Tại bản Cáo trạng số 143/CT -VKS- P3 ngày 18 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo khai do làm ăn thua lỗ nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại bằng cách đưa các thông tin gian dối, số tiền mua đất thấp hơn các dự án khác đối với khu đất tái định cư Đồng Giáp, phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng và bị cáo dùng thủ đoạn sử dụng hợp đồng công chứng,

các bị hại giao tiền tại văn phòng công chứng nhưng trên thực tế bị cáo không có quyền sở hữu và không được ủy quyền sở hữu của các hộ dân nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 6.783.000.000 đồng của 30 bị hại thông qua hợp đồng đặt cọc có công chứng.

Tại phiên tòa các bị hại (Có mặt) gồm Lê H; Nguyễn Văn Trinh; Đỗ Quốc Thúy; Phạm Văn Hải; Đỗ Thị Hậu; Trần Vĩ Minh; Nguyễn Thị Mão (vợ bị hại Tô Đức Dụ); Lưu Thị Khuyến đều khai: Do tin tưởng Vũ H là chủ sở hữu khu đất tái định cư Đồng Giáp, phường Nam Hải, quận HA, thành phố Hải Phòng nên đã lập văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc tại Văn phòng công chứng Công chứng Bảo Toàn do công chứng viên Nguyễn PV lập. Tại đây các bị hại đều đưa tiền đặt cọc trực tiếp cho Vũ H có sự chứng kiến của công chức Nguyễn PV. Vì tin tưởng văn bản đặt cọc tại phòng công chứng Bảo Toàn có giá trị pháp lý nên dẫn đến việc bị cáo Vũ H lừa đảo chiếm đoạt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ trách nhiệm của Văn phòng công chứng Công chứng Bảo Toàn trực tiếp là công chứng viên Nguyễn PV; đề nghị bị cáo Vũ H phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; đối với hình phạt đề nghị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật; ngoài ra làm rõ trách nhiệm của các người môi giới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự đề nghị xử: Bị cáo Vũ H tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/01/2020.

- *Về dân sự*: Buộc bị cáo Vũ H phải bồi thường tiếp cho các bị hại với tổng số tiền 6.783.000.000 đồng (*Sáu tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu đồng*) theo số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của 30 người bị hại.

- Về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- *Quan điểm luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ H*: Mấu chốt các bị hại giao tiền cho bị cáo là tin tưởng vào Hợp đồng đặt cọc do Văn phòng công chứng Bảo Toàn lập. Các sơ đồ đất không phải là thông tin gian dối; bị cáo chỉ có vai trò trung gian môi giới theo Bộ luật Dân sự thì Hợp đồng đặt cọc là hợp đồng dân sự nếu bị cáo không thực hiện thì bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường hoặc phạt cọc. Trên thực tế có nhiều thửa đất không tìm thấy thông tin bị cáo đã trả lại tiền cọc; đối với các thửa đất khác do bị cáo không kết nối được với người bán nên đã sử dụng vào mục đích khác. Như vậy hành vi của bị cáo sử dụng số tiền chiếm đoạt xảy ra sau khi giao tiền hợp pháp do đó theo quan điểm của luật sư bị cáo chỉ thỏa mãn tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa quan điểm luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tuy nhiên căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ nên Vũ H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc của những người có nhu cầu mua bất động sản. Trên thực tế bị cáo không có quyền sở hữu hoặc được ủy quyền sở hữu của các chủ đất. Để thực hiện ý định đó tháng 01 năm 2019, Vũ H thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Bất động sản Tùng Anh, địa chỉ: Số 275 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận NQ, thành phố Hải Phòng và đăng thông tin trên trang web muaban.net và batdongsan.com.vn, bán các lô đất tại khu tái định cư Đồng Giáp, phường Nam Hải, quận HA, đăng số điện thoại của Hà để người mua giao dịch. Khi khách hàng có nhu cầu mua đất liên lạc thì Hà đã đưa ra các thông tin giả về nguồn gốc đất, số lô đất, tự đặt ra giá chuyển nhượng thấp hơn giá thực tế tại thị trường từ 2-4 triệu/m², đưa bản photo bản đồ dự án trong đó có sơ đồ vị trí các lô đất để tạo niềm tin.... Mặt khác Hà còn thông tin cho các khách hàng là Hà có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận HA nên việc hoàn thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ trong thời hạn từ 20-50 ngày thông qua Hợp đồng đặt cọc tại phòng Công chứng Bảo Toàn có sự chứng kiến của công chứng viên. Dẫn đến việc từ tháng 02/2019 đến tháng 6/2019, Vũ H đã chiếm đoạt tiền đặt cọc của 30 khách hàng, với tổng số tiền là 6.783.000.000 đồng (Sáu tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu đồng). Vì vậy không có căn cứ chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư; do đó có đủ căn cứ xét xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố kết luận là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan tổ chức, cá nhân gây mất trật tự xã hội. Do đó cần xử lý nghiêm để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Bị cáo Vũ H đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 6.783.000.000 đồng (Sáu tỷ bảy trăm tám mươi ba triệu đồng) của 30 người bị hại

nên bị cáo bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội đúng quy định pháp luật.

- *Về hình phạt:*

[5] Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của 30 bị hại với số tiền mỗi lần chiếm đoạt trị giá trên 50 triệu đồng đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Song cũng xét sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất mức độ, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn chưa bồi thường, do đó cần áp dụng Điều 39 Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức hình phạt tù không thời hạn mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Ngoài hình phạt chính không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo do có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn và phải trả lại số tiền rất lớn sau khi đã chiếm đoạt cho các bị hại.

- Đối với Nguyễn PV, Công chứng viên Văn phòng công chứng Bảo Toàn, tại địa chỉ số 340 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng đã chứng thực việc thỏa thuận đặt cọc giữa Công ty TNHH Bất động sản Tùng Anh do Vũ H thực hiện với các khách hàng. Trong thời gian ngắn đã công chứng cho nhiều người đặt cọc cùng 01 lô đất và công chứng cho nhiều lô đất không có trong danh sách các cá nhân, hộ gia đình được cấp đất. Việc Nguyễn PV thực hiện công chứng “Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc”, có nhiều nội dung chưa rõ ràng, chưa giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, ý nghĩa và hậu quả pháp lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 Luật công chứng, dẫn đến việc các khách hàng hiểu sai, tin tưởng, giao tiền đặt cọc dẫn đến bị Vũ H chiếm đoạt, hành vi của Nguyễn PV có dấu hiệu đồng phạm giúp sức cho bị cáo Vũ H. Do đó cần tiếp tục kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn PV để tránh bỏ lọt người phạm tội.

- ***Về dân sự:*** Đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cần trả lại cho những bị hại với tổng số tiền là 6.783.000.000 đồng (Sáu tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu đồng) cụ thể như sau:

1. Buộc bị cáo trả lại cho anh Hà K số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).
2. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Q số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
3. Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn H số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

4. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn T số tiền là 223.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu đồng*).
5. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần C tổng số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).
6. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lê Xuân Hùng số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
7. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lương P số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).
8. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần L số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).
9. Buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ H số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
10. Buộc bị cáo trả lại cho anh Dương H số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
11. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn T số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
12. Buộc bị cáo trả lại cho anh Đỗ T số tiền là 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).
13. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lê Hồng Hải số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
14. Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn T số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
15. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn B số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
16. Buộc bị cáo trả lại cho chị Hoàng Hải Yến số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
17. Buộc bị cáo trả lại cho anh Phạm H số tiền là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).
18. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Văn Tứ số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
19. Buộc bị cáo trả lại cho chị Đỗ H số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
20. Buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ D số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
21. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn T số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
22. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần T số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
23. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lê L số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

24. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần M số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

25. Buộc bị cáo trả lại cho anh Tô D số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

26. Buộc bị cáo trả lại cho anh Bùi M số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

27. Buộc bị cáo trả lại cho anh Phạm H số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

28. Buộc bị cáo trả lại cho anh Bùi N số tiền là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

29. Buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ T số tiền là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

30. Buộc bị cáo trả lại cho chị Lưu K số tiền là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

- *Về vật chứng*: Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ: 01 điện thoại hãng Samsung số IMEI 356400/07/2997465/01, 356400/07/29974463/01, 01 sim điện thoại; 02 con dấu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 con dấu tròn Công ty TNHH BĐS Tùng Anh, 01 con dấu chức danh Giám đốc Vũ H không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 1440, ref number: 08284, model No: PP42L (kèm sạc và chuột máy tính); 01 máy in nhãn hiệu HP số serial VNC3631108; 01 bộ máy vi tính để bàn gồm: 01 màn hình LG FLATRON L1742SE, số serial: 105VNPA0T192; 01 CPU máy tính nhãn hiệu Made in China in trên cục nguồn, 01 chuột không dây nhãn hiệu Logitech, 01 bàn phím nhãn hiệu Genius) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra bị cáo còn phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Bị cáo **Vũ H** tù *Chung thân*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/01/2020.

- Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn PV, Công chứng viên Văn phòng công chứng Bảo Toàn, tại địa chỉ số 340 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận HA, thành phố Hải Phòng có dấu hiệu đồng phạm giúp sức cho bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tránh bỏ lọt người phạm tội.

- *Về dân sự*:

1. Buộc bị cáo trả lại cho anh Hà K số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).
2. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Q số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
3. Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn H số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
4. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn T số tiền là 223.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu đồng*).
5. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần C tổng số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).
6. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lê Xuân Hùng số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
7. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lương P số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).
8. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần L số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).
9. Buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ H số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
10. Buộc bị cáo trả lại cho anh Dương H số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
11. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn T số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
12. Buộc bị cáo trả lại cho anh Đỗ T số tiền là 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).
13. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lê Hồng Hải số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
14. Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn T số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).
15. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn B số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).
16. Buộc bị cáo trả lại cho chị Hoàng Hải Yến số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
17. Buộc bị cáo trả lại cho anh Phạm H số tiền là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).
18. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Văn Tứ số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).
19. Buộc bị cáo trả lại cho chị Đỗ H số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).
20. Buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ D số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

21. Buộc bị cáo trả lại cho anh Nguyễn T số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

22. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

23. Buộc bị cáo trả lại cho anh Lê L số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

24. Buộc bị cáo trả lại cho anh Trần M số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

25. Buộc bị cáo trả lại cho anh Tô D số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

26. Buộc bị cáo trả lại cho anh Bùi M số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

27. Buộc bị cáo trả lại cho anh Phạm H số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

28. Buộc bị cáo trả lại cho anh Bùi N số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

29. Buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ T số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

30. Buộc bị cáo trả lại cho chị Lưu K số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền bồi thường thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại hãng Samsung số IMEI 356400/07/2997465/01, 356400/07/29974463/01, 01 sim điện thoại.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dấu tròn Công ty TNHH BĐS Tùng Anh, 01 con dấu chức danh Giám đốc Vũ H.

+ Trả lại cho bị cáo Vũ H nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 1440, ref number: 08284, model No: PP42L (kèm sạc và chuột máy tính); 01 máy in nhãn hiệu HP số serial VNC3631108; 01 bộ máy vi tính để bàn gồm: 01 màn hình LG FLATRON L1742SE, số serial: 105VNPA0T192; 01 CPU máy tính nhãn hiệu Made in China in trên cục nguồn, 01 chuột không dây nhãn hiệu Logitech, 01 bàn phím nhãn hiệu Genius)

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

- *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ H phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Vũ H phải chịu 139.830.000 (*Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại (*Có mặt*) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười năm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại (*Vắng mặt*) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười năm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương./.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Huy Hoàng

Nguyễn Văn Thiệm

Trần Thị Thu Hà

Đỗ Xuân Quyết

Nguyễn Kim San

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1- TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

